

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH CỦA NAM GIỚI ĐƯỢC SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHSPTP.HCM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH MONG ĐỢI¹

ĐOÀN VĂN ĐIỀU*

Một trong những nhiệm vụ của dạy học đại học là dạy thái độ ứng xử cho sinh viên. Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo con người phù hợp với sự phát triển, đồng thời vẫn giữ được bản chất của người Việt Nam, ngành giáo dục nói chung và các nhà giáo dục nói riêng cần phải tiến hành nhiều nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ nghiên cứu thái độ đối với lối sống hiện nay của sinh viên. Muốn hướng người học vào một lối sống mà xã hội mong đợi thì chúng ta cần phải biết người học suy nghĩ và một phần thể hiện qua hành động về lối sống của họ. Một trong những việc có thể thực hiện được bằng nghiên cứu mẫu người lý tưởng họ mong muốn hướng tới,...

1. Phương pháp nghiên cứu

1.1. Mẫu nghiên cứu:

- Dợt 1: Gồm 979 sinh viên trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh để thu thập những thông tin qua bảng thăm dò chính thức có nội dung từ bảng thăm dò mở.

1.2. Dụng cụ nghiên cứu:

- Bảng thăm dò chính thức gồm câu hỏi về mẫu hình lý tưởng mong đợi của sinh viên.

* Tiến sĩ Trường ĐHSPTP.HCM.

¹ Bài viết này được trích một phần từ đề tài "Thái độ của sinh viên trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đối với lối sống hiện nay và yêu cầu về những đặc điểm nhân cách của người mẫu mong đợi" (mã số: CS 2002-23-8) đã được nghiệm thu ngày 13.9.2003 theo quyết định số: 568/ĐHSPTP.HCM - SDH ngày 08.8.2003.

1.3. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong đề tài này là phân tích nội dung

2. Cơ sở của việc xác định mẫu hình lý tưởng

Sự phát triển tự ý thức là một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển nhân cách của thanh niên mới lớn, nó có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển tâm lý của lứa tuổi thanh niên.

Sự hình thành ý thức ở lứa tuổi thanh niên là một quá trình lâu dài, trải qua những mức độ khác nhau. Ở tuổi thanh niên quá trình phát triển tự ý thức diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi và có tính đặc thù: thanh niên có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm lý của mình theo quan điểm về mục đích cuộc sống và hoài bão của mình. Chính điều này khiến các em quan tâm sâu sắc tới đời sống tâm lý, phẩm chất nhân cách và năng lực riêng.

Đặc điểm quan trọng trong sự tự ý thức của thanh niên là sự tự ý thức của họ xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống và hoạt động – địa vị mới mẻ trong tập thể, những quan hệ mới với thế giới xung quanh. Họ hay ghi nhật ký, so sánh mình với nhân vật mà họ coi là tấm gương (thanh niên thường đối chiếu mình với động cơ và rung động của họ nhiều hơn là với cử chỉ, hành vi của họ như ở thiếu niên).

Nội dung của tự ý thức cũng khá phức tạp. Họ không chỉ nhận thức về cái tôi của mình trong hiện tại như thiếu niên mà còn nhận thức về vị trí của mình trong xã hội, trong tương lai. (Tôi cần trở thành người như thế nào, cần làm gì để tốt hơn...).

Hơn nữa, sự phát triển tự ý thức cũng thúc đẩy sinh viên hình thành cho mình một mẫu hình lý tưởng để phấn đấu, đồng thời họ cũng hình thành cho một mẫu hình người lý tưởng của người khác phái mà họ mong muốn có được trong cuộc sống tương lai.

Khi nghiên cứu hoạt động học tập, các nhà nghiên cứu đã xem xét hoạt động học tập hoặc có liên quan đến quá trình nhận thức (L.B. Itenxon, N.V.Cudomin, D.B.Encônhin...) hoặc liên quan đến động cơ học tập (A.N.Leonchiev, P. Ia. Ganperin, N.Ph.Taludina...) hay liên quan với tư duy (V.V.Davudôv, A.V.Pêtrôvski, D.N.Bôgôlavlenxki và N.A.Mentrinxcai). Mặc dù chưa có sự thống nhất hoàn toàn trong việc quan niệm về hoạt động học tập

nhưng các nhà nghiên cứu vẫn đưa ra những điểm chung của hoạt động học tập như: có mục đích tự giác, có ý thức về động cơ và trong hoạt động học tập có diễn các quá trình nhận thức.

Kết quả của hoạt động học tập không chỉ có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mà còn có thái độ, thế giới quan, nhân sinh quan... Tất cả những thành tố này kết hợp lại với nhau tạo nên phẩm chất mới cho người học, tức là người học phát triển và trưởng thành về mặt nhân cách. Trong mối quan hệ ấy, tri thức, kỹ năng, kỹ xảo là những thành tố quan trọng không thể thiếu trong cấu trúc của kết quả học tập. Và khi đánh giá quá trình học tập cũng như đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong nhà trường, chủ yếu, người ta dựa vào ba thành tố này. Kết quả nghiên cứu này sẽ cho thấy những phẩm chất nhân cách nào sinh viên có và những phẩm chất nhân cách họ mong muốn hình thành để giúp cho các nhà giáo dục nói chung có những hoạch định cần thiết trong chương trình giáo dục cho sinh viên của mình.

Từ các cơ sở lý luận trên, nghiên cứu sẽ tìm hiểu yêu cầu về những đặc điểm nhân cách của mẫu người mong đợi.

3. Kết quả nghiên cứu

Phần trình bày kết quả nghiên cứu được sắp xếp theo thứ tự như sau:

- Phần kết quả tổng quát của bảng thăm dò.
- Yêu cầu về những đặc điểm nhân cách của mẫu người mong đợi.

3.1. Phần kết quả tổng quát của bảng thăm dò

Nghiên cứu này được thực hiện trên 989 sinh viên trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và được theo như sau:

* Sinh viên: - Năm 1: 211 - Năm 2: 633 - Năm: 115

* Giới tính: - Nam: 254 - Nữ: 735

* Địa phương: - Tỉnh: 738 - Tp.HCM: 206

* Ngành học : - Không ghi: 5 - Khoa học tự nhiên: 247

- Khoa học xã hội: 522 - Ngoại ngữ: 82 - Khác: 106

3.2. Yêu cầu về những đặc điểm nhân cách của mẫu người mong đợi

Bảng 1. Kết quả đánh giá những phẩm chất của nam giới

STT	Phẩm chất	Nam		Nữ		Tổng cộng	Thứ bậc
		Số ý kiến	Thứ bậc	Số ý kiến	Thứ bậc		
1	Quan tâm đến mọi người	4	17	12	17	16	17
2	Có nghị lực	6	15	8	18	14	19
3	Chăm chỉ	2	28	2	37	4	37
4	Chung thủy	6	15	44	5	50	5
5	Có lý tưởng	16	2	51	3	67	3
6	Có nghề nghiệp	9	8	36	6	45	8
7	Có đạo đức	9	8	34	8	43	9
8	Ý chí vươn lên	13	5	89	1	102	1
9	Thẳng thắn, trung thực	14	3	32	9	46	7
10	Có bản lĩnh	13	5	36	6	49	6
11	Có tình thương, tốt bụng	3	22	7	22	10	22
12	Biết lo cho gia đình	11	7	13	15	24	13
13	Khỏe mạnh	4	17	8	18	12	21
14	Thông minh	4	17	13	15	17	16
15	Lịch sự	3	22	4	33	7	30
16	Độ lượng – vị tha	8	11	30	10	38	10
17	Tự chủ – tự tin	1	39	1	44	2	42
18	Có trình độ học vấn	7	14	20	11	27	11
19	Biết đối nhân xử thế	1	39	7	22	8	27
20	Có tri thức (am hiểu)	8	11	19	12	27	11
21	Có trách nhiệm	4	17	17	14	21	15
22	Tài năng	2	28	7	22	9	23
23	Hiếu thảo	3	22	6	27	9	23
24	Cầu tiến	2	28	5	29	7	30
25	Hiếu biết	2	28	6	27	8	27
26	Đứng đắn	0		7	22	7	30
27	Vui tính	1	39	7	22	8	27
28	Quyết đoán	8	11	8	18	16	17
29	Chân thành	2	28	5	29	7	30
30	Thành đạt	9	8	5	29	14	19
31	Yêu nước, sống có ích cho xã hội	0		2	37	2	42
32	Đẹp trai	2	28	2	37	4	37
33	Nam tính	3	22	19	12	22	14

34	Biết lo làm ăn	0		2	37	2	42
35	Mạnh mẽ	18	1	49	4	67	3
36	Biết sống vì người khác	2	28	1	44	3	39
37	Hòa đồng	3	22	3	35	6	34
38	Có việc làm ổn định	14	3	55	2	69	2
39	Khiêm tốn	1	39	1	44	2	42
40	Giao thiệp rộng	0		2	37	2	42
41	Thật thà	2	28	0		2	42
42	Điềm tĩnh, kiên nhẫn	2	28	3	35	5	36
43	Năng động	2	28	4	33	6	34
44	Sống lành mạnh	4	17	5	29	9	23
45	Đồng cảm	1	39	8	18	9	23
46	Quan hệ xã hội tốt	1	39	2	37	3	39
47	Có năng lực	3	22	0		3	39
48	Có lập trường	1	39	1	44	2	42
49	Địa vị xã hội	2	28	0		2	42
50	Sống có mục đích	0		2	37	2	42

3.3. Những phẩm chất của nam giới không được đánh giá cao

Sau đây là một số phẩm chất được một ý kiến nêu ra trong bảng thăm dò không phân biệt giới tính của đối tượng thăm dò: *giúp đỡ kẻ yếu hơn mình, uy tín, can đảm, công dân tốt, chững chạc, lãng mạn, có suy nghĩ nghiêm túc về cuộc sống, tự lập, tiết kiệm, yêu nước, sống có ích cho xã hội, đúng đắn, giao thiệp rộng, thật thà, có năng lực, biết lo làm ăn.*

Những phẩm chất này là những phẩm chất không mang tính cụ thể và khó đánh giá chúng. Nói cách khác, nam và nữ sinh viên rất thực tế trong khi đánh giá những phẩm chất của nam giới.

3.4. Những phẩm chất của nam giới theo đánh giá chung của nam và nữ sinh viên

Qua kết quả của bảng 1, ta nhận thấy những đánh giá chung những phẩm chất của nam giới có thể được phân thành các thứ bậc sau:

Từ thứ bậc 1 đến thứ bậc 10: ý chí vươn lên (thứ bậc 1), có việc làm ổn định (thứ bậc 2), có lý tưởng (thứ bậc 3), mạnh mẽ (thứ bậc 3), chung thủy (thứ bậc 5), có bản lĩnh (thứ bậc 6), thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 7), có nghề nghiệp (thứ bậc 8), có đạo đức (thứ bậc 9), độ lượng – vị tha (thứ bậc 10).

Đây là một lựa chọn phù hợp với mục đích giáo dục của chúng ta vì chúng gồm những phẩm chất pha trộn giữa hiện đại và truyền thống cần thiết của một người đàn ông đảm bảo được cuộc sống cho bản thân và trở thành một người có ích cho xã hội và người khác. Các phẩm chất đó vừa tạo cho người đàn ông tính độc lập, vừa làm cho họ trở thành một người mang tính nhân văn. Nhìn chung đại đa số các phẩm chất nêu trên mang tính đạo đức.

3.5. Những phẩm chất của nam giới theo đánh giá của nam sinh viên

Từ thứ bậc 1 đến thứ bậc 10: mạnh mẽ (thứ bậc 1), có lý tưởng (thứ bậc 2), có việc làm ổn định, thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 3), ý chí vươn lên, có bản lĩnh (thứ bậc 4), biết lo cho gia đình (thứ bậc 6), có nghề nghiệp, thành đạt, có đạo đức (thứ bậc 7), độ lượng – vị tha, có tri thức (am hiểu), quyết đoán (thứ bậc 10).

Các thứ bậc trên 10: có trình độ học vấn (thứ bậc 11), có nghị lực, chung thủy (thứ bậc 12), khỏe mạnh, thông minh, quan tâm đến mọi người, sống lành mạnh, có trách nhiệm (thứ bậc 14), có tình thương, tốt bụng, lịch sự, hiếu thảo, nam tính, hòa đồng, có năng lực (thứ bậc 19), tài năng, chăm chỉ, cầu tiến, hiểu biết, chân thành, đẹp trai, biết sống vì người khác, thật thà, điềm tĩnh, kiên nhẫn, năng động, địa vị xã hội (thứ bậc 25), vui tính, biết đối nhân xử thế, tự chủ – tự tin, khiêm tốn, đồng cảm, quan hệ xã hội tốt, có lập trường (thứ bậc 37).

3.6. Những phẩm chất của nam giới theo đánh giá của nữ sinh viên

Từ thứ bậc 1 đến thứ bậc 10: ý chí vươn lên (thứ bậc 1), có việc làm ổn định (thứ bậc 2), có lý tưởng (thứ bậc 3), mạnh mẽ (thứ bậc 4), chung thủy (thứ bậc 5), có nghề nghiệp, có bản lĩnh (thứ bậc 6), có đạo đức (thứ bậc 8), thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 9), độ lượng – vị tha (thứ bậc 10).

Các thứ bậc trên 10: có trình độ học vấn (thứ bậc 11), có tri thức (am hiểu), nam tính (thứ bậc 12), có trách nhiệm (thứ bậc 14), biết lo cho gia đình, thông minh (thứ bậc 15), quan tâm đến mọi người (thứ bậc 17), khỏe mạnh, quyết đoán, có nghị lực, đồng cảm (thứ bậc 18), biết đối nhân xử thế, tài năng, đứng đắn, vui tính, có tình thương, tốt bụng (thứ bậc 22), hiếu thảo, hiểu biết (thứ bậc 28), chân thành, thành đạt, cầu tiến, sống lành mạnh (thứ bậc 29), lịch sự, năng động (thứ bậc 33), hòa đồng, điềm tĩnh, kiên nhẫn (thứ bậc 35), yêu nước, sống có ích cho xã hội, chăm chỉ, đẹp trai, biết lo làm ăn, giao thiệp

rộng, quan hệ xã hội tốt, sống có mục đích (thứ bậc 38), biết sống vì người khác, tự chủ – tự tin, khiêm tốn, có lập trường (thứ bậc 46).

Ngoài ra trong nghiên cứu còn hai bảng đánh giá theo địa phương và năm học đánh giá những phẩm chất của nam giới. Dưới đây là kết quả với 10 thứ bậc cao nhất.

a) Theo địa phương: Kết quả đánh giá những phẩm chất của nam giới theo địa phương

Sinh viên ở tỉnh đánh giá những phẩm chất của nam giới sau:

- Thứ bậc từ 1 đến 10: ý chí vươn lên (thứ bậc 1), có việc làm ổn định (thứ bậc 2), có lý tưởng (thứ bậc 3), mạnh mẽ (thứ bậc 4), chung thủy (thứ bậc 5), có bản lĩnh (thứ bậc 6), thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 7), có nghề nghiệp (thứ bậc 8), có đạo đức (thứ bậc 9), độ lượng – vị tha (thứ bậc 10).

Sinh viên ở thành phố đánh giá những phẩm chất của nam giới như sau:

- Theo thứ bậc từ 1 đến 10: ý chí vươn lên (thứ bậc 1), mạnh mẽ (thứ bậc 2), có lý tưởng (thứ bậc 3), có bản lĩnh (thứ bậc 4), có việc làm ổn định (thứ bậc 5), có đạo đức (thứ bậc 5), có nghề nghiệp (thứ bậc 7), chung thủy (thứ bậc 7), thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 7), độ lượng – vị tha (thứ bậc 10).

b) Theo năm học: Kết quả đánh giá những phẩm chất của nam giới theo năm học

Sinh viên năm thứ nhất đánh giá những phẩm chất của nam giới như sau:

- Thứ bậc từ 1 đến 9: có việc làm ổn định (thứ bậc 1), có lý tưởng (thứ bậc 2), ý chí vươn lên (thứ bậc 3), mạnh mẽ (thứ bậc 4), có nghề nghiệp (thứ bậc 4), độ lượng – vị tha (thứ bậc 6), chung thủy (thứ bậc 7), quan tâm đến mọi người (thứ bậc 7), có đạo đức (thứ bậc 9), có trình độ học vấn (thứ bậc 9), có bản lĩnh (thứ bậc 9).

Sinh viên năm thứ hai đánh giá những phẩm chất của nam giới như sau:

- Thứ bậc từ 1 đến 10: ý chí vươn lên (thứ bậc 1), mạnh mẽ (thứ bậc 2), có lý tưởng (thứ bậc 3), có việc làm ổn định (thứ bậc 4), có bản lĩnh (thứ bậc 5), có đạo đức (thứ bậc 6), chung thủy (thứ bậc 7), thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 8), có nghề nghiệp (thứ bậc 9), có tri thức (am hiểu) (thứ bậc 10).

Sinh viên năm thứ ba đánh giá những phẩm chất của nam giới như sau:

- Thứ bậc từ 1 đến 10: thẳng thắn, trung thực (thứ bậc 1), chung thủy (thứ bậc 2), mạnh mẽ (thứ bậc 3), có nghề nghiệp (thứ bậc 4), ý chí vươn lên (thứ bậc 4), độ lượng – vị tha (thứ bậc 6), có bản lĩnh (thứ bậc 7), có việc làm ổn định (thứ bậc 7), có lý tưởng (thứ bậc 9), có nghị lực (thứ bậc 10), có đạo đức (thứ bậc 10), nam tính (thứ bậc 10), biết sống vì người khác (thứ bậc 10).

Trong mười phẩm chất của nam giới được sinh viên lựa chọn và đánh giá cao phản ánh một phần những mong ước của chính bản thân sinh viên về bản thân mình và về người bạn đời trong tương lai. Đa đa số những phẩm chất ấy là những phẩm chất mang tính truyền thống. Điều này có thể làm cho các nhà giáo dục tâm huyết với việc giữ gìn bản sắc dân tộc phấn khởi. Tuy nhiên, một trong những nhiệm vụ của các nhà giáo dục là làm sao những phẩm chất đó được trân trọng và đánh giá cao ở thanh niên, đặc biệt là sinh viên, học sinh cho dù các lối sống phương tây du nhập vào nước ta ngày càng nhiều để sản phẩm của giáo dục là nhân cách Việt Nam phục vụ cho công cuộc bảo vệ và xây dựng tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Bình (2000), *Văn hóa Giáo dục – Con người và Xã hội*. NXB. Giáo Dục.
2. Nickey Hayes (1996), *Principles of Social Psychology*. UK: Erlbaum Taylor & Francis Psychology Press Publishers.
3. Lê Văn Hồng và cộng sự (1995), *Tâm lý học Tuổi trẻ và Tâm lý học Sư phạm*. Hà Nội.
4. K.B. Madsen (1974), *Modern Theory of Motivation*. Halsted Press (a Division of John Wiley & Sons, Inc. New York.
5. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB. Văn hóa Thông tin.
6. Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*. NXB. Giáo Dục.

Abstract:

**Some personality traits of the man preferred
by students at Ho Chi Minh University of Pedagogy**

Adolescents, in the development process, think about their model as the aim for them to strive to be. The findings in this survey show that they appreciate both traditional and current personality traits contributing to form an active person who can conform well with the developing society.